



27/4/21

**DAILY** MORNING

Áp lực bán quay trở lại, VN-Index  
kiểm tra mốc 1215 điểm



|                   | 27/4     | % Sáng<br>27/4 | 26/4     | % Ngày<br>26/4 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|----------------|----------|----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                | 1,215.77 | -2.62%         | -1.85% | 4.64%   |
| S&P 500           |          |                | 4,187.62 | 0.18%          | 0.59%  | 7.67%   |
| S&P500<br>Futures | 4,180.75 | 0.03%          | 4,179.40 | 0.19%          | 1.31%  | 5.45%   |
| Shanghai          |          |                | 3,441.17 | -0.95%         | -1.05% | 2.20%   |
| Euro Stoxx        |          |                | 4,020.83 | 0.19%          | 0.02%  | 5.06%   |



Nguồn: Bloomberg, BSC

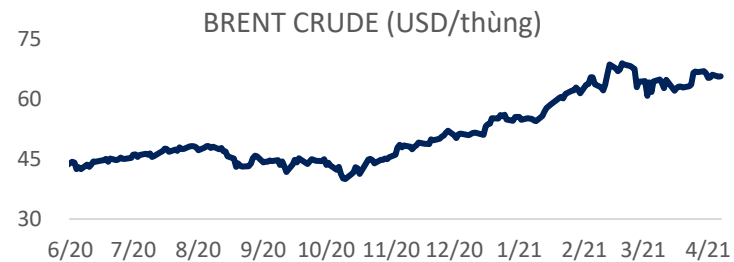
| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | PTKT                |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Đại diện Nhà Trắng cho biết 0.3% người đồng thuế, tương đương 500,000 nghìn hộ sẽ chịu mức thuế mới 39.6% trên thặng dư vốn.</li> <li>Nhà Trắng đề xuất ban hành luật yêu cầu 80% lưới điện quốc gia Mỹ tới từ nguồn năng lượng sạch tại thời điểm 2030.</li> <li>GDP Hàn Quốc tăng 1.8% YoY trong quý I/2021, sau khi giảm 1.2% YoY trong quý IV/2020.</li> <li>Mỹ có thể chia 60 triệu liều vaccine Covid-19 của AstraZeneca tới các quốc gia khác trong tháng 5-6, dựa trên ngoại giao song phương.</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Kháng cự 4000       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Hỗ trợ 3500         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Xu hướng Tích lũy   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Kháng cự 3700       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Hỗ trợ 3450         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Điểm PTKT TRUNG LẬP |



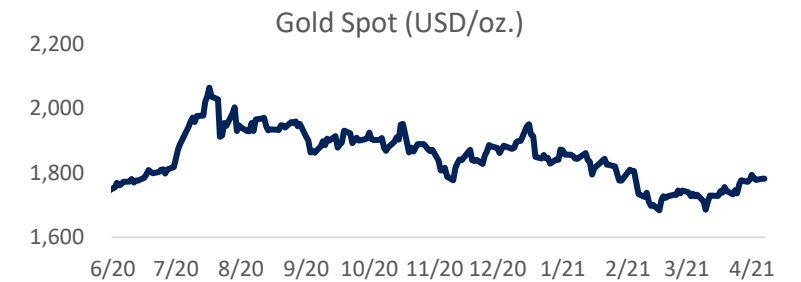
Nguồn: Bloomberg, BSC

| Mặt hàng     | Đơn vị   | 27/4     | % Sáng<br>27/4 | 26/4    | % 26/4 | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|----------------|---------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 61.99    | 0.13%          | 61.91   | -0.37% | -1.09% | 1.69%   | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 65.72    | 0.11%          | 65.65   | -0.70% | -1.28% | 6.34%   | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 198.09   | 0.12%          | 197.86  | -0.86% | -1.81% | 0.01    | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,781.20 | -0.01%         | 1781.38 | 0.24%  | 0.14%  | 2.81%   | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 26.21    | -0.06%         | 26.23   | 0.84%  | 1.42%  | 4.58%   | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USd/bu.  | 1,538.25 | -0.06%         | 1539.25 | 0.00%  | 5.52%  | 10.57%  | DBC, QNS           | HKB                |
| WHEAT        | USd/bu.  | 743.75   | 0.57%          | 739.50  | 0.00%  | 12.48% | 22.08%  |                    | AFX                |
| MILK         | USD/cwt  |          |                | 19.28   | 0.00%  | -0.21% | 10.05%  | VNM, GTN, QNS      | VNM, GTN, QNS      |
| RUBBER       | JPY/kg   | 235.60   | -0.08%         | 235.80  | -0.55% | 0.30%  | -5.00%  | SRC, CSM, DRC      | DPR, PHR, HAG, HNG |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |                | 17.09   | 1.24%  | 5.43%  | 10.97%  | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |                | 143.35  | 3.50%  | 8.68%  | 11.51%  | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |                | 9751.00 | 2.09%  | 4.00%  | 8.59%   | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 5,403.00 | 0.39%          | 5382.00 | 2.55%  | 5.65%  | 14.16%  | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |                | 2403.50 | 1.65%  | 3.15%  | 8.29%   |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 1,145.50 | 0.75%          | 1137.00 | 3.65%  | 5.53%  | 27.49%  | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |                | 85.25   | -0.29% | -5.64% | -4.70%  | HT1, BCC, PPC, POW | HLC, NBC, TNT, THT |

Ghi chú: USd = US Cent



Nguồn: Bloomberg, BSC

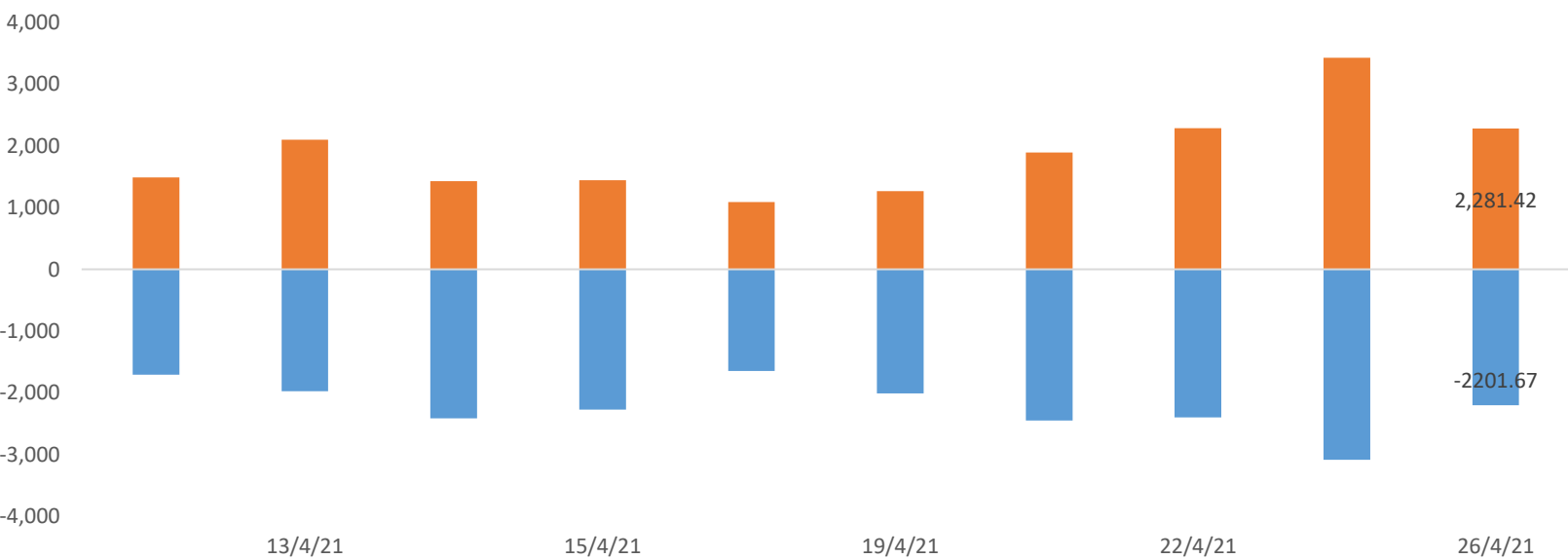


Nguồn: Bloomberg, BSC

# ETF E1, VN100 tăng; Diamond giảm kết thúc chuỗi tăng quy mô 50 phiên

| ETF       | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %     | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |       |       | Nhận định |
|-----------|------------------|-----------------|--------------------|-------|---------------------------|------|-------|-------|-----------|
|           |                  |                 |                    |       | 1D                        | 1W   | 1M    | 3M    |           |
| VNM       | 523.0            | 19.3            | 0                  | 0.5%  |                           | 0.0  | 0.0   | 1.9   | 9.0       |
| FTSE      | 451.7            | 41.3            | 0                  | -0.9% |                           | 0.0  | -4.1  | 10.9  | 17.4      |
| iShare    | 451.8            | 31.2            | 0                  | -0.6% |                           | 0.0  | 0.0   | -1.5  | -1.5      |
| E1VFN30   | 355.6            | 0.9             | 2.9                | -0.3% |                           | 2.6  | -15.8 | -9.4  | -30.7     |
| FUEVFN30  | 459.9            | 0.9             | -0.2               | 0.8%  |                           | -0.2 | 6.6   | 33.0  | 170.8     |
| FUESSVFL  | 98.6             | 0.7             | -0.6               | 4.6%  |                           | -0.4 | 9.3   | 8.3   | 33.4      |
| FUESSVN30 | 3.6              | 0.7             | 0.0                | -0.6% |                           | 0.0  | -0.1  | -0.1  | 0.1       |
| FUEMAVN30 | 21.5             | 0.7             | 0.0                | -1.9% |                           | 0.0  | 0.0   | 1.8   | 9.5       |
| VN100     | 3.7              | 0.7             | 0.1                | -1.8% |                           | 0.1  | 0.2   | -0.5  | -36.3     |
| KIM       | 165.9            | 16.3            | 0.0                | 0.5%  |                           | 0.0  | -8.3  | -20.6 | -48.3     |
| PREMIA    | 29.8             | 12.6            | 0                  | -1.0% |                           | 0.0  | 0.0   | -0.5  | -3.2      |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày    | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | -12.26  | -12.26                | -49.39                 |
| ASEAN4*                                               | 70.19   | 178.62                | -582.77                |
| Ấn Độ                                                 | -156.97 | -595.99               | -1091.14               |
| Đài Loan                                              | 470.42  | 470.42                | 2592.60                |
| Hàn Quốc                                              | 308.24  | 308.24                | 1538.08                |
| Nhật Bản                                              |         | 2,631.43              | 17314.40               |
| Trung Quốc                                            |         |                       | 60865.07               |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |         |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |         | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |         | 1.90                  |                        |
| Thái Lan                                              |         | 5.89                  |                        |
| Singapore                                             |         | 1.90                  |                        |
| Phillippines                                          |         | 3.86                  |                        |
| Malaysia                                              |         | 3.71                  |                        |



Nguồn: Fiinpro, BSC

## Tin vĩ mô

- Theo đại diện Bộ Tài chính, yêu cầu của đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2021-2025 là cơ bản hoàn tất yêu cầu tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, xử lý dứt điểm các dự án thua lỗ, kém hiệu quả, trên quan điểm khi bán chỉ cố gắng thu hồi được tối đa, phần mất đi, không thu hồi được sẽ phải xử lý theo quy định của pháp luật về những vi phạm trong quá trình triển khai dự án. Không áp đặt nguyên tắc bảo toàn vốn.
- Thủ tướng yêu cầu bộ, ngành, địa phương rà soát, thống kê những quy định gây mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất, thiếu đồng bộ, không còn phù hợp với thực tiễn trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, thực hiện trước ngày 15/5.

## Thông số kỹ thuật

|          |            |
|----------|------------|
| Xu hướng | Điều chỉnh |
| Chỉ báo  | Trung lập  |
| Kháng cự | 1250       |
| Hỗ trợ   | 1200       |



Nguồn: FireAnt, BSC

- HBC: Đã thông qua kế hoạch kinh doanh 2021 với tổng doanh thu 13.500 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 235 tỷ đồng.
- DGC: Dự kiến phát hành thêm 22,3 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020, tương ứng tỷ lệ 20:3. Cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu sẽ nhận thêm 3 cổ phiếu mới, nguồn vốn phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Ngày đăng ký cuối cùng là 10/5/2021.
- SCS: Doanh thu thuần trong quý đầu năm tăng 7% lên 196 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp tăng 6% lên 155 tỷ đồng. Cộng thêm tăng doanh thu tài chính và giảm chi phí quản lý, công ty báo lãi 137 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ. Đây là mức lợi nhuận cao nhất theo quý của doanh nghiệp.
- TBC: Quý 1 doanh thu thuần đạt 155,6 tỷ đồng tăng 80% so với cùng kỳ, lãi sau thuế đạt 74,7 tỷ đồng tăng mạnh so với con số lãi 20 tỷ đồng của quý I/2020.
- DIG: DIC Corp đặt kế hoạch SXKD năm 2021 với doanh thu hợp nhất 2.800 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất 1.444 tỷ đồng, tăng 61% so với năm trước. Dự kiến cổ tức từ 18% đến 22%.
- CTR: Dự kiến hủy niêm yết gần 72 triệu cổ phiếu CTR tại UPCoM để niêm yết trên HoSE. Việc niêm yết trên HoSE sẽ được thực hiện vào năm 2021-2022. Năm 2021 đặt chỉ tiêu doanh thu 6.600 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 275,8 tỷ đồng, tương ứng tăng lần lượt 3,4% và 0,6% so với thực hiện năm 2020; Tỷ lệ cổ tức dự kiến chi trả ở mức 10 – 20%.
- FT1: Năm 2021, FUTU1 đặt kế hoạch khá thận trọng với doanh thu đạt 800 tỷ đồng tương đương mức tăng 6,5%; lợi nhuận sau thuế kỳ vọng ở mức 35 tỷ đồng, đạt 76,2% so với thực hiện của năm 2020. Mức cổ tức chi trả dự kiến năm 2021 đạt trên 20%. FUTU1 lên kế hoạch giá trị đầu tư trước thuế đạt 45,76 tỷ đồng, so với mức 4,4 tỷ đồng của năm 2020 thì tăng trưởng 10,4 lần.
- ANV: Quý 1 doanh thu thuần đạt gần 706 tỷ đồng giảm 13% so với cùng kỳ. Sau khi trừ các khoản chi phí và ghi nhận lãi khác đạt 2,7 tỷ đồng giúp Navico lãi sau thuế gần 64 tỷ đồng tăng gần 49% so với cùng kỳ 2020 tương đương EPS đạt 502 đồng.
- TIP: Ngày 22/4, HĐQT đã thông qua việc hủy bỏ thực hiện hợp đồng nhận chuyển nhượng 4 triệu cổ phần từ Công ty TNHH Hòa Bình sở hữu tại CTCP Thương mại và Xây dựng Phước Tân.
- TNG: Quý 1 doanh thu thuần đạt gần 911 tỷ đồng tăng 18%, sau khi trừ chi phí lãi sau thuế 22 tỷ đồng giảm 34% so với quý 1/2020.
- SHB: Ngày 06/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 07/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:10 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 10 cổ phiếu mới).

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*



# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)

(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)

(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)

(+84)2437173639



### DANH MỤC BÁO CÁO BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR để đọc thêm)*



### CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app zalo để tham gia)*